TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 32/2017/HSST
Ngày 04/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR – TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh: CB hưu trí, xã Quảng Tiến, huyện CưM'gar.

2. Bà Bùi Thị Hà: PBT xã Quảng Tiến, huyện CưM'gar.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Y Lợi Niê - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư Mgar:Bà Hoàng Thị Bích Thảo; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2016, tại trụ sở TAND huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 30/2017/HSST ngày 07 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình P. Tên gọi khác: Không.
Sinh năm: 1973 tại tỉnh Cao Bằng.
Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 02/12.
Tiền án: Không.
Tiền sự: Ngày 21/11/2016 bị Công an xã Q xử phạt hành chính (Phạt tiền 1.000.000 đ), về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 20/4/2017 bị Công an xã Q xử phạt hành chính (Cảnh cáo), về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.
Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1934 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1936. Hiện bà đang sinh sống tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đăk Lăk (có mặt).

*** Người bị hại**: Anh Nguyễn B, sinh năm 1982 (có mặt) và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985. Chị T ủy quyền cho anh B tham gia tố tụng.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Đình P bị Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 30/11/2016 đến 02/12/2016, bị cáo Nguyễn Đình P, đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 30/11/2016, Nguyễn Đình P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 47H1 – xxx.xx, hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ - đen (Xe của Nông Thị P – vợ P) đến đại lý thu mua nông sản Bình T ở thôn T, xã E, huyện C do chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm: 1985 làm chủ đại lý, mục đích để cầm cố điện thoại lấy tiền mua ma túy sử dụng. Đến nơi P thấy chị T đang mua cà phê của những người dân đến bán, không để ý đến P nên P đã lấy trộm 01 túm cà phê nhân khô, trọng lượng 10kg để ở dưới nền nhà trong kho. Sau đó P bán lại cho chị T số cà phê trên lấy số tiền 430.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 02/12/2016, Nguyễn Đình P đi bộ sang nhà anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1964, trú tại thôn H, xã Q, huyện C để mượn xe mô tô biển kiểm soát 47H1 –YYY.YY, hiệu Honda Wave RSX, màu đen xám, P nói là đi mua thuốc cảm cúm thì anh C đồng ý. Sau đó P điều khiển xe mô tô trên tiếp tục đi tới đại lý thu mua nông sản Bình T nói trên để trộm cắp tài sản. Khi vào bên trong đại lý không thấy ai trông coi nên P đã lấy trộm 01 túm cà phê nhân khô, trọng lượng 40kg. Sau đó P điều khiển xe mô tô 47H1 –YYY.YY chở số cà phê trộm cắp được về hướng xã E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk bán cho một người phụ nữ thu mua nông sản dọc đường (không rõ nhân thân lai lịch) được số tiền 800.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 04/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện C xác định: 10kg cà phê nhân bị mất trộm ngày 30/11/2016 có giá: 430.000 đồng, 40kg cà phê nhân bị mất trộm ngày 02/12/2016 có giá: 1.680.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.110.000 đ *(Hai triệu một trăm mười ngàn đồng)*.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển kiểm soát 47H1 – XXX.XX do chị Nông Thị P đứng tên chủ sở hữu. Xe mô tô 47H1 –YYY.YY do anh Nguyễn Văn C đứng tên chủ sở hữu. Khi bị cáo P mượn 02 xe mô tô trên để làm phương tiện trộm cắp tài sản thì chị P và anh C không biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

Về phần trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị Ánh T có đơn yêu cầu bị cáo P bồi thường trị giá 50 kg cà phê nhân xô số tiền 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị hại anh B yêu cầu bị cáo P bồi thường trị giá 50 kg cà phê nhân xô theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 32/KSĐT-HS ngày 07/7/2017, của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Nguyễn Đình P về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (Viết tắt là BLHS 1999).

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Trong khoảng thời gian từ 30/11/2016 đến 02/12/2016, tại thôn T, xã Ea, huyện C, bị cáo đã thực hiện 02 vụ trộm cắp cà phê nhân khô, tổng số 50kg, của đại lý thu mua nông sản Bình T do chị Nguyễn Thị Ánh

T làm chủ thì bị phát hiện xử lý. Số tiền thu được từ việc bán cà phê bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết; Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo P, đồng thời đưa ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ về trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (BLHS 1999), Điều 33 BLHS 1999, đề nghị xử phạt bị cáo P từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự Viện kiểm sát đề nghị căn cứ vào Điều 42 BLHS 1999; Các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS 2015): Buộc bị cáo P bồi thường cho gia đình anh Nguyễn Thanh B trị giá 50 kg cà phê nhân xô theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Đình P tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Vào khoảng thời gian từ 30/11/2016 đến 02/12/2016, tại đại lý thu mua nông sản Bình T thôn ở T, xã Ea, huyện C, bị cáo P đã thực hiện 02 vụ trộm cắp cà phê nhân khô, tổng số 50kg, của gia đình anh Nguyễn Thanh B, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt: 2.110.000 đ *(Hai triệu một trăm mười ngàn đồng)*. Hành vi của bị cáo P đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 BLHS1999.

Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm."

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân và biết được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi trái pháp luật đều bị pháp luật nghiêm trị. Song do ý thức coi thường pháp luật, với bản chất tham lam, lười lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhưng mỗi lần trị giá tài sản không đủ định lượng để khởi tố, do đó bị cáo không bị áp dụng tình

tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự về phạm tội nhiều lần. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 21/11/2016 bị Công an xã Q ra Quyết định xử lý hành chính, phạt tiền 1.000.000 đ về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 20/4/2017 bị Công an xã Q xử phạt hành chính (Cảnh cáo), về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Do chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên công an áp dụng biện pháp xử phạt hành chính là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội gây thiệt hại về tài sản không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật có phần bị hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h, p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS 1999. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta đối với bị cáo.

Từ những nhận định nêu trên HĐXX xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung về tội phạm trong xã hội.

Các biện pháp tư pháp: Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS 1999; Các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS 2015. Buộc bị cáo P bồi thường thiệt hại trị giá về tài sản (50 kg cà phê nhân xô) cho gia đình anh Nguyễn Thanh B số tiền 2.110.000 đ *(Hai triệu một trăm mười ngàn đồng)*.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình P phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS 1999; Điểm g, h, p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS 1999.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đình P 01 (Một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/4/2017.

2. Các biện pháp tư pháp:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 42 BLHS 1999; Các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Đình P bồi thường thiệt hại trị giá về tài sản (50 kg cà phê nhân xô) cho gia đình anh Nguyễn Thanh B số tiền 2.110.000 đ *(Hai triệu một trăm mười ngàn đồng)*.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 1 Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Đình P phải

nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng), tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện CưM'gar;
- Nhà tạm giữ;
- THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Bị cáo; - Người bị hại;
- THA phạt tù; - Lưu TA;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Trường Thọ